

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HSPT

Ngày: 13/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt

2. Ông Huỳnh Văn Trục

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 648/2017/HSPT ngày 07/11/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Chí L do có kháng cáo của người đại diện bị hại và bị đơn dân sự đối với bản án sơ thẩm số 160/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Chí L**; sinh năm 1992 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp Tân P, xã Tân T, thị xã Cai K, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: đường Nguyễn Văn Q, Khu phố 1, phường Phú V, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không có);

Bắt, tạm giam: 27/9/2017 (bắt giam tại phiên tòa sơ thẩm ngay sau khi tuyên án);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo, có liên quan đến kháng cáo:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc C**; sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Thới A, xã Châu H, huyện Giồng M, tỉnh Bến Tre; là người đại diện bị hại (là vợ ông Nguyễn Chí Tr), đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trẻ Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 05/8/2015, con đẻ của ông Nguyễn Chí Tr); có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc R: Ông Nguyễn Trần Phú Ngọc H; luật sư Công ty Luật hợp danh Việt Nam, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B**; địa chỉ trụ sở: 78/7 đường Nguyễn Văn Q, phường Phú V, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; là bị đơn dân sự.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình N; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/01/2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Chí L là nhân viên lái xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B. Vào khoảng 17 giờ 10 phút ngày 19/12/2016, Linh điều khiển xe ô tô đầu kéo mang biển số 51C-520.20 kéo theo rơ moóc mang biển số 51R-064.40 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B lưu thông trên đường Huỳnh Tấn G theo hướng từ đường Lưu Trọng L đi đến đường Trần Xuân S. Khi đến trước số nhà 135A đường Huỳnh Tấn G, phường Tân Thuận Đ, Quận 7, L để xe ô tô do mình điều khiển lần sang làn đường bên phải dành cho xe mô tô, xe máy, xe thô sơ lưu thông cùng chiều, để xe ô tô đầu kéo va đụng với xe mô tô mang biển số 79D1-06516 do ông Nguyễn Chí Tr điều khiển lưu thông trên làn đường dành cho xe mô tô, xe máy, xe thô, theo hướng cùng chiều với xe ô tô.

Tai nạn xảy ra làm cho ông Tr bị ngã xuống đường và bị chết. Theo Kết luận giám định pháp y số 1840/TT.16 ngày 09/01/2017 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Tr chết do “Đa chấn thương”

Tại bản án số 160/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Chí L phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 202; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Nguyễn Văn Chí L 1 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn Chí L lái xe ô tô trong thời hạn 2 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 298, 307, 612, 618 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 288, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B phải bồi thường cho ông Nguyễn B số tiền 50.000.000đ.

Buộc bị cáo và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc R 72.600.000đ tù bù đắp tổn thất về mặt tinh thần và cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Bảo H mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày 19/12/2016 cho đến khi trẻ H đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 11/10/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc R có đơn kháng cáo với nội dung: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là không nghiêm minh, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà R 492.600.000đ (bao gồm tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần là 72.600.000đ và chi phí cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo H 420.000.000đ) theo phương thức trả từng tháng là không công bằng, khó thực hiện trên thực tế. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về chi phí cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 2.000.000đ tính từ ngày 01/7/2017 đến 05/8/20133, tương ứng với số tiền cấp dưỡng là 400.000.000đ; cấp dưỡng theo phương thức định kỳ hàng năm, mỗi năm 1 lần tương ứng với số tiền 24.000.000đ, kỳ thứ nhất phải thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11/10/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B có đơn kháng cáo với nội dung: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B không chấp nhận liên đới với bị cáo bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà R trình bày ý kiến như sau: Bà giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư Hiếu đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bà R, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo phải liên đới cấp dưỡng cho trẻ H theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng năm, cấp dưỡng

vào thời điểm đầu năm cấp dưỡng.

Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B trình bày ý kiến như sau: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường, đồng ý với mức cấp dưỡng cho trẻ H theo yêu cầu của bà R; tuy nhiên, trong vụ án này, bị hại cũng có lỗi, do vậy đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại mức bồi thường tổn thất về mặt tinh thần. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B chấp nhận cấp dưỡng cho trẻ H theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, không chấp nhận cấp dưỡng hàng năm theo yêu cầu của bà R.

Bị cáo trình bày ý kiến như sau: Bị cáo tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới cùng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B để thực hiện việc bồi thường cho phía bị hại.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là thỏa đáng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của bà R về nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo.

Về nội dung kháng cáo về mặt dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận kháng cáo của bà Trúc; không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, luật sư, bà Nguyễn Thị Ngọc R và người đại diện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B,

Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 7, Thẩm phán đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ “Biên bản khám nghiệm hiện Tr vụ tai nạn giao thông” (kèm sơ đồ hiện Tr) do Công an Quận 7 lập lúc 17 giờ 50 phút ngày 19/12/2016, Kết luận giám định pháp y, lời khai nhận của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hành vi khách quan của tội phạm được nêu trong cáo trạng và bản án sơ thẩm là chính xác. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn là do bị cáo điều khiển xe ô tô lưu thông không đúng làn đường quy định, lấn sang làn đường dành cho xe mô tô, xe máy và xe thô sơ, vi phạm Điều 9 và Điều 13 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Người bị hại điều khiển xe mô tô lưu thông đúng làn đường quy định nên không có lỗi. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do xem thường sự an toàn của người tham gia giao thông, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, bị cáo vẫn cố ý vi phạm Luật Giao thông Đường bộ, dẫn đến việc làm chết 1 người và hư hại 1 xe mô tô. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, sức khỏe, tính mạng của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo theo khoản 1, Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn B (cha đẻ bị hại) xin giảm nhẹ cho cáo. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Mức án 1 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Do vậy, việc bà R kháng cáo đề nghị tăng mức phạt tù đối với bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Theo quy định tại Điều 36 và khoản 5 Điều 202 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định trong thời hạn từ 1 đến 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Trong vụ án này, việc cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô là cần thiết. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc “*cấm bị cáo lái xe ô tô*” trong thời hạn 2 năm “*kể từ ngày chấp hành xong bản án*” là không chuẩn xác. Do vậy, cần sửa án sơ thẩm về phần nội dung này.

[5]. Theo quy định của luật pháp thì xe cơ giới là nguồn nguy hiểm cao độ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2005 thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án này. Do vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B là bị đơn dân sự; việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Mặt khác, trẻ Nguyễn Ngọc Bảo H là người chưa thành niên, khi xét xử sơ thẩm trẻ H mới 1 năm 19 ngày tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định trẻ H là người đại diện hợp pháp của người bị hại là không đúng. Tuy nhiên, những sai sót đã nêu cũng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án. Do

vậy, không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc này.

[6]. Như đã nhận định tại mục [5], theo quy định của pháp luật thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B là người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên liên quan không có thỏa thuận nào khác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải liên đới cùng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B để bồi thường cho phía bị hại là không chính xác. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B để bồi thường cho phía bị hại. Do vậy, cần ghi nhận và tuyên buộc bị cáo có nghĩa vụ liên đới với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B bồi thường cho phía bị hại.

[7]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại là những người được hưởng bồi thường bù đắp tổn thất về mặt tinh thần. Đối chiếu với quy định này thì bà R(vợ ông Tr), ông Nguyễn B (cha ông Tr), bà Võ Thị Q (mẹ ông Tr), trẻ Nguyễn Ngọc Bảo H (con ông Tr) là những người được bồi thường bù đắp tổn thất về mặt tinh thần. Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, không có thỏa thuận nào giữa những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bị cáo và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B bồi thường cho cá nhân bà R là chưa đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B và bà Liên nên cần điều chỉnh lại cho đúng quy định. Mức bồi thường tổn thất về mặt tinh thần mà cấp sơ thẩm đã tuyên buộc là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được giữ nguyên. Việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B cho rằng ông Tr cũng có lỗi đề nghị xem xét lại mức bồi thường bù đắp về mặt tinh thần là không có căn cứ.

[8]. Trong vụ án này, bị hại Nguyễn Chí Tr có 1 người con là trẻ H, sinh ngày 05/8/2015. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 605, điểm c khoản 1 Điều 610, Điều 623 Bộ luật dân sự 2005, căn cứ ý kiến của bà R, ông N và bị cáo, cần buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo phải liên đới cấp dưỡng cho trẻ H với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng.

Về thời hạn cấp dưỡng: Theo quy định tại mục 4 Phần II Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thời hạn được hưởng cấp dưỡng của con của người bị hại được tính từ thời điểm người bị hại chết cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt theo quy định tại Điều 61 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 và có nội dung tương tự như Điều 61 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Do vậy, cần áp dụng các quy định đã nêu để xác định thời hạn cấp dưỡng. Cụ thể, cần buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn

Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo phải liên đới cấp dưỡng cho trẻ H trong thời hạn tính từ thời điểm ông Tr chết cho đến khi phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về phương thức cấp dưỡng: Do không có cơ sở để xác định thời điểm phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, các bên liên quan cũng không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi cho các bên, cần buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo phải cấp dưỡng ngay cho trẻ H khoản tiền 29.200.000đ tương ứng với thời hạn cấp dưỡng tính từ thời điểm ông Tr chết cho đến thời điểm tuyên án phúc thẩm; cấp dưỡng theo phương thức thực hiện hàng tháng trong thời hạn từ ngày tuyên án phúc thẩm đến thời điểm phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[9]. Nhận định và lập luận tại mục [8] vừa nêu cũng là căn cứ để không chấp nhận ý kiến của luật sư, không chấp nhận kháng cáo của bà R và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B về nội dung liên quan đến phương thức cấp dưỡng

[10]. Kháng cáo của bà R về mặt hình sự không được chấp nhận. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, bà R được miễn án phí. Kháng cáo của bà R và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B về mặt dân sự không được chấp nhận. Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm có sai sót, cần phải sửa nên theo quy định điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, các đương sự không phải chi án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 160/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Chí L phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 202; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Nguyễn Văn Chí L 1 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2017;

Cấm bị cáo Nguyễn Văn Chí L hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 2 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 605, Điều điểm c khoản 1 Điều 610, Điều 623 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc R, ông Nguyễn B, bà Võ Thị Q và trẻ Nguyễn Ngọc Bảo H mỗi người 18.150.000đ (mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần. Việc bồi thường phải được thực hiện ngay sau khi tuyên án phúc thẩm.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo phải liên đới cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Ngọc Bảo H mỗi tháng 2.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 19/12/2016 cho đến khi phát sinh căn cứ chấp nhận nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, với phương thức cấp dưỡng như sau:

-Cấp dưỡng ngay sau khi tuyên án phúc thẩm số tiền 29.200.000đ (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) tương ứng với thời hạn cấp dưỡng từ ngày 19/12/2016 đến ngày 13/3/2018;

-Kể từ ngày 14/3/2018 đến khi phát sinh căn cứ chấp nhận nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, phải cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), được thực hiện trong tháng cấp dưỡng tương ứng.

Phần nghĩa vụ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B và bị cáo đối với việc bồi thường là như nhau.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền bồi thường và cấp dưỡng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

-Bà R được miễn án phí hình sự phúc thẩm. Bà R, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

-Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đăng B 200.000đ tiền tạm ứng phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025052 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6.Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận 7; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Đường sự: (2)
- Chi Cục THA Quận 7; (1)
- TAND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huấn